

CURRENT PRACTICES IN THE USE OF PARACETAMOL CONTAINING MEDICATIONS AMONG STUDENTS AT THE UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY AT HO CHI MINH CITY AND THE UNIVERSITY OF ECONOMICS AT HO CHI MINH CITY

Nguyen Ngoc Thanh Xuan¹, Luong Nguyen Quynh Trang²
Tran Pham Giang Mi², Vo Y Lan¹, Huynh Ho Ngoc Quynh^{1*}

¹University of Medicine and Pharmacy at Ho Chi Minh city - 217 Hong Bang, Cho Lon ward, Ho Chi Minh city, Vietnam

²University of Economics at Ho Chi Minh city - 59C Nguyen Dinh Chieu, Xuan Hoa ward, Ho Chi Minh city, Vietnam

Received: 24/7/2025

Revised: 01/8/2025; Accepted: 06/9/2025

ABSTRACT

Objective: To determine the proportion of students from the University of Medicine and Pharmacy at Ho Chi Minh city and the University of Economics at Ho Chi Minh city with adequate knowledge and appropriate practices regarding the use of Paracetamol containing medications, and to assess the associations between knowledge and practice with gender, university, year of study.

Methods: A cross-sectional study was conducted on 317 students at the University of Medicine and Pharmacy at Ho Chi Minh city and University of Economics at Ho Chi Minh city from August 2024 to June 2025.

Results: Among the 317 participating students, 14.2% demonstrated good knowledge regarding the use of Paracetamol containing medications, and 87.7% reported using these medications at appropriate dosages. Knowledge was significantly associated with university and year of study, but not with practice or gender. No significant associations were found between practice and gender or university; however, practice was associated with year of study.

Conclusion: The proportion of students with good knowledge regarding the use of Paracetamol containing medications at both University of Medicine and Pharmacy at Ho Chi Minh city and University of Economics Ho Chi Minh city remains low; however, the rate of correct dosage practice is relatively high. Interventions should be implemented to improve students' knowledge and minimize the risk of Paracetamol overdose, particularly considering the observed associations between practice and both university and year of study.

Keywords: Paracetamol, knowledge, practice, student.

*Corresponding author

Email: hhnquynhytcc@ump.edu.vn **Phone:** (+84) 909592426 **Https://doi.org/10.52163/yhc.v66i5.3098**

THỰC TRẠNG SỬ DỤNG THUỐC CÓ CHỨA PARACETAMOL Ở SINH VIÊN ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH VÀ ĐẠI HỌC KINH TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Ngọc Thanh Xuân¹, Lương Nguyễn Quỳnh Trang²
Trần Phạm Giáng Mi², Võ Ý Lan¹, Huỳnh Hồ Ngọc Quỳnh^{1*}

¹Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh - 217 Hồng Bàng, phường Chợ Lớn, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

²Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh - 59C Nguyễn Đình Chiểu, phường Xuân Hòa, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày nhận bài: 24/7/2025

Ngày chỉnh sửa: 01/8/2025; Ngày duyệt đăng: 06/9/2025

TÓM TẮT

Mục tiêu: Xác định tỉ lệ sinh viên Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh và Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh có kiến thức tốt cũng như thực hành đúng sử dụng thuốc có chứa Paracetamol đúng cách, đồng thời xác định mối liên quan giữa kiến thức và thực hành với giới tính, trường học, năm học.

Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu cắt ngang được thực hiện trên 317 sinh viên Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh và Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, từ tháng 8/2024 đến tháng 6/2025.

Kết quả: Trong 317 sinh viên tham gia, 14,2% sinh viên có kiến thức tốt về sử dụng thuốc có chứa Paracetamol, 87,7% sinh viên sử dụng thuốc này đúng liều. Kiến thức về sử dụng thuốc có chứa Paracetamol có mối liên quan với trường học và năm học nhưng không liên quan với thực hành và giới tính; chưa tìm thấy mối liên quan giữa thực hành sử dụng thuốc này và giới tính, trường học, nhưng có mối liên quan với năm học.

Kết luận: Tỉ lệ sinh viên có kiến thức tốt về sử dụng thuốc có chứa Paracetamol ở Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh và Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh còn thấp nhưng tỉ lệ sinh viên thực hành đúng liều khá cao. Nên có giải pháp giúp nâng cao kiến thức đồng thời giảm thiểu hành vi sử dụng thuốc có chứa Paracetamol quá liều ở sinh viên Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh và Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh dựa trên việc thực hành sử dụng thuốc này có liên quan đến trường học, năm học.

Từ khóa: Paracetamol, kiến thức, thực hành, sinh viên.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Paracetamol là loại thuốc phổ biến được dùng để điều trị các tình trạng đau cấp tính khác nhau, hạ sốt và còn được dùng trong nhiều loại thuốc chữa cảm lạnh và cúm trên toàn cầu mà không cần kê đơn [1]. Do sự dễ dàng và thuận tiện đó, Paracetamol được sử dụng ngày càng nhiều. Năm 2024, thị trường Paracetamol đã tạo ra doanh thu 798,2 triệu USD và dự kiến sẽ đạt 994,2 triệu USD vào năm 2030. Tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (2025-2030) là 3,4% [2]. Việc tự ý sử dụng Paracetamol mà không nhận thức được nguy cơ, liều lượng và cách sử dụng thuốc có thể dẫn đến những vấn đề nguy hại cho sức khỏe. Nghiên cứu năm 2017 của Đại học Quốc gia Singapore đã ghi nhận 24,4% bệnh nhân bị phản ứng phản vệ, 5,6% nhiễm độc gan nặng và 1,1% bị suy gan cấp tính, độ tuổi trung bình là 25

tuổi [3]. Nghiên cứu tại Ả Rập Xê Út ghi nhận tỉ lệ sinh viên tự kê Paracetamol là 58,8%, trong đó có 63,1% là sinh viên y khoa [4]. Nghiên cứu tại Đại học Văn Lang (thành phố Hồ Chí Minh) đã ghi nhận sinh viên thực hành sử dụng Paracetamol tốt chiếm 76,9% [5].

Từ thực trạng trên, chúng tôi quyết định thực hiện nghiên cứu nhằm xác định tỉ lệ kiến thức tốt cũng như tỉ lệ thực hành đúng về thuốc có chứa Paracetamol trên hai nhóm đối tượng gồm sinh viên Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh (ĐHYD TPHCM) - đại diện cho nhóm sinh viên được đào tạo chuyên sâu trong lĩnh vực sức khỏe, và sinh viên Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh (ĐHKT TPHCM) - đại diện cho sinh viên không được đào tạo kiến thức ở nhóm ngành sức khỏe, để đánh giá thực trạng sử dụng thuốc chứa Paracetamol, đồng thời xác định mối liên quan giữa kiến thức và thực hành với các yếu tố như giới tính, trường học, năm học.

*Tác giả liên hệ

2. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu cắt ngang mô tả.

2.2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu

Nghiên cứu thực hiện ở ĐHYD TPHCM và ĐHKT TPHCM từ tháng 8/2024 đến tháng 6/2025.

2.3. Đối tượng nghiên cứu

Tất cả sinh viên đang học tại ĐHYD TPHCM và ĐHKT TPHCM

- Tiêu chuẩn chọn vào: sinh viên đang học tại ĐHYD TPHCM và ĐHKT TPHCM đang/đã từng sử dụng thuốc có chứa Paracetamol không theo chỉ định, kê toa của bác sĩ và đồng ý tham gia nghiên cứu.

- Tiêu chuẩn loại ra: sinh viên từ chối tham gia nghiên cứu khi đang trả lời câu hỏi khảo sát hoặc trả lời ít hơn 80% số câu trong bộ câu hỏi nghiên cứu.

2.4. Cỡ mẫu và chọn mẫu

Cỡ mẫu được tính theo công thức ước lượng một tỷ lệ:

$$n = Z_{1-\alpha/2}^2 \times p(1-p)/d^2$$

Trong đó: α là xác suất sai lầm loại 1; Z là trị số từ phân phối chuẩn, với độ tin cậy 95% thì $Z_{1-\alpha/2} = 1,96$; d là sai số tuyệt đối chấp nhận, chọn $d = 0,05$; p là tỉ lệ sử dụng Paracetamol từ nghiên cứu trước, áp dụng tỷ lệ p theo nghiên cứu tại Ả Rập Xê Út với $p = 0,734$ [4]. Cỡ mẫu tối thiểu tính được $n = 300$ người.

Dự trừ mất mẫu 5%, do vậy cỡ mẫu tối thiểu (n) là 317 sinh viên.

2.5. Biến số trong nghiên cứu

- Các biến số độc lập gồm đặc điểm cá nhân về giới tính, trường, năm học.

- Biến phụ thuộc gồm kiến thức và thực hành. Biến kiến thức dựa vào nghiên cứu của Thinley Dorji và cộng sự, được đo lường bằng 21 câu hỏi [6]; tổng điểm kiến thức bao gồm câu trả lời đúng, đây là biến số định danh có 3 giá trị: tốt ($\geq 80\%$), đạt yêu cầu ($\geq 60-79\%$) và kém ($< 60\%$). Biến thực hành là biến số định danh gồm 3 giá trị: dưới liều (< 500 mg/lần và ≤ 4000 mg/ngày), đúng liều (500-1000 mg/lần và ≤ 4000 mg/ngày), quá liều (> 1000 mg/lần và > 4000 mg/ngày) [7].

2.6. Kỹ thuật, công cụ và quy trình thu thập số liệu

Một bảng câu hỏi khảo sát online (Google Form) đính kèm bản giới thiệu nghiên cứu và bản đồng thuận tham gia nghiên cứu được gửi thuận tiện tới tất cả sinh viên tại ĐHYD TPHCM và ĐHKT TPHCM. Sinh viên nào đồng ý tham gia sẽ truy cập link khảo sát, bấm xác nhận đồng thuận và trả lời các câu hỏi trong bảng hỏi. Bộ câu hỏi gồm 3 phần gồm: (1) Kiến thức 21 câu; (2) Thực hành 6 câu; (3) Đặc điểm cá nhân 3 câu.

2.7. Xử lý và phân tích số liệu

Phân tích thống kê bằng phần mềm SPSS. Sử dụng tần số và tỉ lệ phần trăm để mô tả các biến định tính. Kiểm

định Chi bình phương được sử dụng để xác định mối liên quan giữa các đặc điểm cá nhân, thực hành với kiến thức và đặc điểm cá nhân với thực hành. Kiểm định chính xác Fisher được thay thế cho phép kiểm Chi bình phương nếu trên 20% tổng số các ô vọng trị. Tỷ lệ hiện mắc PR với khoảng tin cậy (KTC) 95% được báo cáo. Ngưỡng ý nghĩa thống kê khi $p < 0,05$.

2.8. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu đã được Hội đồng Đạo đức nghiên cứu y sinh của ĐHYD TPHCM thông qua (số 3407/ĐHYD-HĐĐĐ ngày 06/11/2024).

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm đối tượng tham gia nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm đối tượng tham gia nghiên cứu ($n = 317$)

Đặc điểm		Giá trị
Giới	Nữ	196 (61,83%)
	Nam	121 (38,17%)
Trường	ĐHYD TPHCM	182 (57,41%)
	ĐHKT TPHCM	135 (42,59%)
Năm học	Năm 1	81 (25,55%)
	Năm 2	82 (25,87%)
	Năm 3	106 (33,44%)
	Năm 4	36 (11,36%)
	Năm 5	8 (2,52%)
	Năm 6	4 (1,26%)

Kết quả thu được 317 sinh viên tham gia, trong đó nữ giới chiếm đa số (61,83%). Số lượng sinh viên ở cả hai trường gần như bằng nhau, nhưng sinh viên ĐHYD TPHCM cao hơn (57,41%). Các sinh viên đang học năm 3 chiếm tỷ lệ cao nhất (33,44%), thấp nhất là sinh viên năm 6 (1,26%).

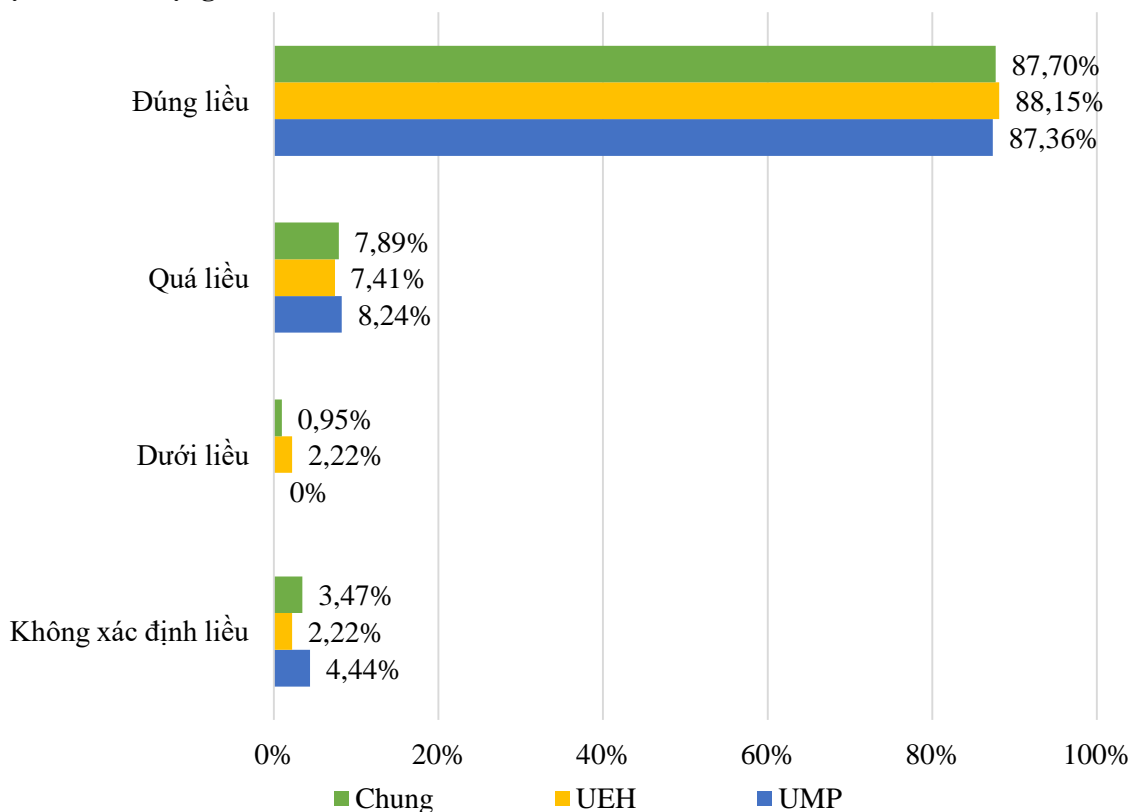
3.2. Kiến thức về sử dụng thuốc có chứa Paracetamol của đối tượng tham gia nghiên cứu

Bảng 2. Đặc điểm kiến thức về sử dụng thuốc có chứa Paracetamol

Đặc điểm		Giá trị
Điểm kiến thức ($\bar{X} \pm SD$) ($n = 317$)		12,22 \pm 3,00
Kiến thức chung của đối tượng nghiên cứu ($n = 317$)	Tốt	45 (14,20%)
	Đạt yêu cầu	133 (41,96%)
	Kém	139 (43,85%)
Kiến thức ở nhóm sinh viên ĐHYD TPHCM ($n = 182$)	Tốt	39 (21,43%)
	Đạt yêu cầu	93 (51,10%)
	Kém	50 (27,47%)
Kiến thức ở nhóm sinh viên ĐHKT TPHCM ($n = 135$)	Tốt	6 (4,44%)
	Đạt yêu cầu	40 (29,63%)
	Kém	89 (65,93%)

Kết quả ghi nhận được điểm kiến thức là $12,22 \pm 3,00$, trong đó sinh viên có điểm kiến thức kém chiếm tỷ lệ cao nhất (43,85%), tiếp đến là đạt yêu cầu (41,96%) và tốt (14,2%). Điểm kiến thức trung bình của sinh viên ĐHYD TPHCM là $13,25 \pm 2,75$ và ĐHKT TPHCM là $10,84 \pm 2,77$. Nghiên cứu ghi nhận hơn 70% sinh viên ĐHYD TPHCM có kiến thức đạt yêu cầu đến tốt nhưng tỉ lệ này chỉ khoảng hơn 30% ở sinh viên ĐHKT TPHCM.

3.3. Thực hành sử dụng thuốc có chứa Paracetamol ở sinh viên ĐHYD TPHCM và ĐHKT TPHCM



Biểu đồ 1. Tỷ lệ thực hành sử dụng thuốc có chứa Paracetamol của đối tượng nghiên cứu

Ghi chú: UEH = ĐHKT TPHCM; UMP = ĐHYD TPHCM.

Khi đánh giá thực hành sử dụng thuốc có chứa Paracetamol, đã ghi nhận hơn 80% sinh viên dùng thuốc đúng liều và chưa đến 8% sinh viên dùng thuốc quá liều. Tuy nhiên, chúng tôi cũng ghi nhận khoảng 3% sinh viên không xác định được liều dùng thuốc. Tương tự, ghi nhận hơn 80% sinh viên ở cả hai trường đều sử dụng đúng liều.

3.4. Mối liên quan giữa kiến thức về sử dụng thuốc có chứa Paracetamol với tình trạng sử dụng thuốc này

Bảng 3. Mối liên quan giữa kiến thức với thực hành sử dụng thuốc có chứa Paracetamol

Nhóm	Nhóm có kiến thức kém	Nhóm có kiến thức đạt yêu cầu	Nhóm có kiến thức tốt	p	PR (KTC 95%)
Nhóm sử dụng đúng liều	123 (44,24%)	114 (41,01%)	41 (14,75%)	0,772 ^b	1
Nhóm không xác định liều	4 (36,36%)	7 (63,64%)	0		1,15 (0,89-1,49)
Nhóm sử dụng dưới liều	2 (66,67%)	1 (33,33%)	0		0,84 (0,44-1,61)
Nhóm sử dụng quá liều	10 (40,00%)	11 (44,00%)	4 (16,00%)		1,03 (0,86-1,24)

Ghi chú: ^bPhép kiểm Fisher.

Nghiên cứu không tìm thấy mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa kiến thức và thực hành sử dụng thuốc có chứa Paracetamol ($p > 0,05$).

3.5. Mối liên quan giữa đặc điểm nhân khẩu với kiến thức về sử dụng thuốc có chứa Paracetamol

Bảng 4. Mối liên quan giữa kiến thức về sử dụng thuốc có chứa Paracetamol với đặc điểm nhân khẩu

Đặc điểm		Kiến thức tốt	Kiến thức đạt yêu cầu	Kiến thức kém	p	PR (KTC 95%)
Giới tính	Nam	19 (15,70%)	52 (42,98%)	50 (41,32%)	0,724 ^a	1
	Nữ	26 (13,27%)	81 (41,33%)	89 (45,41%)		0,97 (0,87-1,07)

Đặc điểm		Kiến thức tốt	Kiến thức đạt yêu cầu	Kiến thức kém	P	PR (KTC 95%)
Trường học	ĐHKT TPHCM	6 (4,44%)	40 (29,63%)	89 (65,93%)	< 0,001 ^a	1
	ĐHYD TPHCM	39 (21,43%)	93 (51,10%)	50 (27,47%)		1,36 (1,22-1,52)
Năm học	Năm 1	4 (4,94%)	32 (39,51%)	45 (55,56%)		1
	Năm 2	9 (10,98%)	41 (50,00%)	32 (39,02%)	0,072 ^c	1,12 (0,98-1,33)
	Năm 3	11 (10,38%)	42 (39,62%)	53 (50,00%)	0,688 ^c	1,03 (0,88-1,19)
	Năm 4	13 (36,11%)	15 (41,67%)	8 (22,22%)	0,033 ^c	1,19 (1,01-1,4)
	Năm 5	6 (75,00%)	2 (25,00%)	0 (0,00%)	0,025 ^c	1,22 (1,02-1,45)
	Năm 6	2 (50,00%)	1 (25,00%)	1 (25,00%)	0,654 ^c	1,08 (0,75-1,56)

Ghi chú: ^aPhép kiểm Chi bình phương; ^cMô hình tuyến tính tổng quát (GLM) (hồi quy Poisson).

Trong nhóm nghiên cứu, tỷ lệ sinh viên có kiến thức đạt yêu cầu hoặc tốt ở ĐHYD TPHCM gấp 1,36 lần (KTC 95%: 1,22-1,52) so với ĐHKT TPHCM, sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê ($p < 0,001$). Ngoài ra, so với sinh viên năm 1, sinh viên năm 4 có tỷ lệ kiến thức tốt/đạt yêu cầu gấp 1,19 lần (KTC 95%: 1,01-1,4), và sinh viên năm 5 có tỷ lệ kiến thức tốt/đạt yêu cầu gấp 1,22 lần (KTC 95%: 1,02-1,45), sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với giá trị p lần lượt là 0,033 và 0,025. Bên cạnh đó, nghiên cứu không tìm thấy mối liên quan ý nghĩa thống kê giữa kiến thức và giới tính, năm 2, năm 3 và năm 6 (so với năm 1).

3.6. Mối liên quan giữa đặc điểm nhân khẩu với tình trạng sử dụng thuốc có chứa Paracetamol

Bảng 5. Mối liên quan giữa thực hành sử dụng thuốc có chứa Paracetamol với đặc điểm nhân khẩu

Đặc điểm		Nhóm không xác định liều	Nhóm sử dụng dưới liều	Nhóm sử dụng quá liều	Nhóm sử dụng đúng liều	P	PR (KTC 95%)
Giới tính	Nam	6 (4,96%)	0	10 (8,26%)	105 (86,78%)	0,403 ^b	1
	Nữ	5 (2,55%)	3 (1,53%)	15 (7,65%)	173 (88,27%)		1 (0,97-1,03)
Trường học	ĐHKT TPHCM	3 (2,22%)	3 (2,22%)	10 (7,41%)	119 (88,15%)	0,178 ^b	1
	ĐHYD TPHCM	8 (4,40%)	0	15 (8,24%)	159 (87,36%)		1 (0,97-1,03)
Năm học	Năm 1	7 (8,64%)	0	9 (11,11%)	65 (80,25%)		1
	Năm 2	3 (3,66%)	2 (2,44%)	4 (4,88%)	73 (89,02%)	0,356 ^c	1,02 (0,97-1,07)
	Năm 3	0	1 (0,94%)	10 (9,43%)	95 (89,62%)	0,043 ^c	1,04 (1,001-1,08)
	Năm 4	1 (2,78%)	0	2 (5,56%)	33 (91,67%)	0,068 ^c	1,04 (0,99-1,09)
	Năm 5	0	0	0	8 (100%)	< 0,001 ^c	1,07 (1,03-1,11)
	Năm 6	0	0	0	4 (100%)	< 0,001 ^c	1,07 (1,03-1,11)

Ghi chú: ^bPhép kiểm Fisher; ^cMô hình tuyến tính tổng quát (GLM) (hồi quy Poisson).

Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên năm 3 có tỷ lệ thực hành đúng liều cao gấp 1,04 lần (KTC 95%: 1,001-1,08) so với sinh viên năm 1, sinh viên năm 5 có tỷ lệ thực hành đúng liều cao hơn 1,07 lần (KTC 95%: 1,03-1,11) so với sinh viên năm 1, sinh viên năm 6 cũng có tỷ lệ thực hành đúng liều cao hơn 1,07 lần (KTC 95%: 1,03-1,11) so với sinh viên năm 1, những sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với giá trị p lần lượt là 0,043; < 0,001 và < 0,001. Ngoài ra, nghiên cứu không tìm thấy mối liên quan ý nghĩa thống kê giữa thực hành và giới tính, trường học, năm 2, năm 4 (so với năm 1).

4. BÀN LUẬN

Kết quả ghi nhận trên 317 sinh viên ĐHYD TPHCM và ĐHKT TPHCM cho thấy sinh viên có kiến thức tốt và đạt yêu cầu lần lượt là 14,2% và 41,96%. Điều này phản ánh phần lớn sinh viên có kiến thức về Paracetamol đạt

yêu cầu nhưng nhóm sinh viên có kiến thức tốt vẫn còn khá ít. Trong số sinh viên có kiến thức tốt, sinh viên ĐHYD TPHCM chiếm 21,43%, tỉ lệ này cao gấp gần 5 lần so với tỉ lệ sinh viên có kiến thức tốt ở ĐHKT TPHCM (4,44%). Tương tự, nhóm sinh viên có kiến thức đạt yêu cầu ở ĐHYD TPHCM cao gấp gần 2 lần ở ĐHKT TPHCM với các tỉ lệ lần lượt là 51,1% và 29,63%. Sự chênh lệch này có thể do nhóm sinh viên ở ĐHYD TPHCM được giảng dạy về chuyên môn sức khỏe, trong đó có cả kiến thức về Paracetamol nhiều hơn so với nhóm sinh viên ở ĐHKT TPHCM. Kết quả này cao hơn nghiên cứu của Thinley Dorji trên đối tượng bệnh nhân ngoại trú (6,8%) [6] và nghiên cứu của Huỳnh Nguyễn Thùy Trang thực hiện trên sinh viên Đại học Văn Lang (8,1%) [5]. Những chênh lệch này có thể xuất phát từ sự khác biệt về đặc điểm nhân khẩu và điều kiện được giảng dạy về kiến thức chuyên môn. Nghiên cứu của chúng tôi còn ghi nhận tỷ lệ lớn đáng kể sinh viên (43,8%) tham gia nghiên cứu có kiến thức

kém so với tỉ lệ sinh viên có kiến thức tốt và tỉ lệ sinh viên có kiến thức đạt yêu cầu. Kết quả này thấp hơn so với kết quả của nghiên cứu ở Đại học Văn Lang (91,9%) [5], ở Sudan (88,3%) [8], nhưng cao hơn nghiên cứu ở Ấn Độ (35%) [6] và ở Tunisia (38%) [9].

Cũng trong nghiên cứu này, chúng tôi ghi nhận chất lượng thực hành khá tốt khi chưa đến 70% sinh viên có kiến thức đạt trở lên nhưng thực hành đúng liều chiếm tới 87,7% - phản ánh tích cực. Tuy vậy, có 7,89% sinh viên dùng quá liều và 3,47% sinh viên sử dụng thuốc mà không xác định được liều lượng, dù tỷ lệ này không quá cao nhưng cũng phải lưu ý vì có thể ảnh hưởng tiêu cực, gây hại đến cơ thể và dẫn đến những hậu quả khó lường.

Điều đáng nói là sinh viên ĐHK TP HCM có kiến thức kém chiếm hơn 65% và có kiến thức không tốt bằng sinh viên ĐHYD TP HCM nhưng lại có tỷ lệ thực hành đúng liều cao hơn ĐHYD TP HCM và tỉ lệ sử dụng quá liều thấp hơn ĐHYD TP HCM. Điều này có thể do bài nghiên cứu khảo sát số lượng giữa hai trường không đồng đều nên phản ánh tỷ lệ chưa thực sự chính xác, khách quan. Tuy vậy, không thể phủ nhận rằng vẫn tồn tại những cá nhân sử dụng quá liều.

Kết quả phân tích cho thấy đa số sinh viên có kiến thức đạt yêu cầu hoặc tốt thường thực hành đúng liều Paracetamol, trong khi các trường hợp dùng quá liều lại tập trung nhiều hơn ở nhóm có kiến thức kém hoặc chỉ đạt yêu cầu. Tuy nhiên, mối liên hệ này không có ý nghĩa thống kê với giá trị $p = 0,772$, tức là không thể khẳng định chắc chắn rằng kiến thức cao sẽ dẫn đến thực hành đúng.

Trường học có mối liên hệ chặt chẽ và có ý nghĩa thống kê với kiến thức về sử dụng thuốc có chứa Paracetamol ($p < 0,001$). Sinh viên có kiến thức đạt yêu cầu hoặc tốt ở ĐHYD TP HCM cao gấp 1,36 lần so với sinh viên ĐHK TP HCM. Sự khác biệt này phản ánh đúng đặc điểm chương trình đào tạo: sinh viên ĐHYD TP HCM thường xuyên tiếp cận với các môn học liên quan đến thuốc và sức khỏe, trong khi sinh viên ĐHK TP HCM không chuyên sâu về lĩnh vực này.

Nghiên cứu của chúng tôi nhận thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa năm học với kiến thức sử dụng thuốc có chứa Paracetamol ($p < 0,001$). So với sinh viên năm 1 thì sinh viên năm 4 và năm 5 có kiến thức tốt hơn. Điều này tương tự với mối liên quan giữa thực hành và năm học, so với sinh viên năm 1 thì sinh viên năm 3, năm 5 và năm 6 có thực hành tốt hơn. Điều này cho thấy rằng tuy không phải mọi năm học đều có sự cải thiện đồng đều, nhưng nhìn chung sinh viên ở các năm học cao hơn sẽ có kiến thức tốt hơn.

5. KẾT LUẬN

Trong các sinh viên ĐHYD TP HCM và ĐHK TP HCM tham gia nghiên cứu, tỷ lệ kiến thức tốt về sử dụng thuốc có chứa Paracetamol còn thấp nhưng tỷ lệ sử dụng thuốc có chứa Paracetamol đúng liều khá cao. Ngoài ra, kiến thức về sử dụng thuốc có chứa Paracetamol có mối liên quan với trường học và năm

học nhưng không liên quan với thực hành và giới tính. Thực hành sử dụng thuốc có chứa Paracetamol không có mối liên quan với giới tính, trường học, nhưng có mối liên quan đến năm học.

*

* *

Nghiên cứu này được nhận kinh phí tài trợ của Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng số 321/2024/HĐ/ĐHYD ngày 27/8/2024.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Samir S Ayoub. Paracetamol (acetaminophen): A familiar drug with an unexplained mechanism of action. *Temperature* (Austin, Tex.), 2021, 8 (4): 351-371.
- [2] Grand View Research. Paracetamol IV market size, share & trends analysis report by application, by region, and segment forecasts, 2025-2030. <https://www.grandviewresearch.com/horizon/outlook/paracetamol-iv-market-size/global>.
- [3] Christina Jiun-Yu Tan, Grant E Sklar. Characterisation and outcomes of adult patients with Paracetamol overdose presenting to a tertiary hospital in Singapore. *Singapore Medical Journal*, 2017, 58 (12): 695-702.
- [4] Khalid A Bin Abdulrahman et al. Self-prescription of Paracetamol by Medical and Science Students at a Public University in Riyadh, Saudi Arabia. *International Journal of Medical Research & Health Sciences*, 2022, 11 (7), p. 11-18.
- [5] Huỳnh Nguyễn Thùy Trang, Nguyễn Trần Minh Như và cộng sự. Khảo sát sử dụng Paracetamol đối với sinh viên Trường Đại học Văn Lang. *Tạp chí Khoa học Văn Lang*, 2022, 5 (33), tr. 135-143.
- [6] Thinley Dorji et al. Rational use of Paracetamol among out-patients in a Bhutanese district hospital bordering India: a cross-sectional study. *BMC Research Notes*, 2018, 11 (1): 660. <https://doi.org/10.1186/s13104-018-3764-0>
- [7] National Library of Medicine, StatPearls Publishing. Paracetamol (Acetaminophen), <https://www.ncbi.nlm.nih.gov/books/NBK482369/>, 2023. Accessed 10 July 2025.
- [8] Omnia Awad Hassan Mohamed et al. Knowledge, attitude and practice of Paracetamol toxicity among IT students in Napata College. *Napata University Institutional Repository*, 2017, 1-35. <http://api.dspace.napata.edu/server/api/core/bitstreams/9e69e853-1e9a-4279-90dc-7552b802c281/content>.
- [9] Atheymen R, Chtourou L et al. Connaissance des étudiants en sciences infirmières des principes de l'automédication par le paracétamol. *Journal de l'Information Médicale de Sfax*, 2023, (43): 12-19.